

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG ĐIỀN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2021

V/v Ly hôn giữa bà Hoàng Thị L1  
với ông Mai L2

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đình Hòa.

2. Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Ông Mai L2, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế (đã mất tích); *vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13-7-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị L1 trình bày:*

Bà với ông Mai L2 chung sống với nhau từ năm 1973 có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Vợ chồng sống chung và đăng ký thường trú tại thôn H, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; đã có bảy người con chung. Năm 2003, cả hai đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24-11-2003. Từ năm 2014, vợ chồng mâu thuẫn, hay cãi vã nhau do tính cách, lối sống không hòa hợp. Đến năm 2015, ông L2 bỏ đi khỏi nơi cư trú; bà và gia đình đã tìm kiếm nhưng không

có tin tức nên để bảo vệ quyền, lợi ích liên quan, bà đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông L2 mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2021/QĐST-DS ngày 10-6-2021, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã chấp nhận tuyên bố ông L2 mất tích. Quyết định đã có hiệu lực nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với người đã mất tích.

Về con: Bà với ông L2 có bảy người con chung là các anh, chị: Mai L3, sinh năm 1974; Mai Văn D1, sinh năm 1979; Mai Thị H, sinh năm 1983; Mai Văn D2, sinh năm 1984; Mai Văn S, sinh năm 1986; Mai Văn L4, sinh năm 1990 và Mai Văn T, sinh năm 1992. Các người con đều đã thành niên, có sức khỏe và khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23-7-2021, bà Hoàng Thị L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí với lý do là người cao tuổi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định của Tòa án nên đề nghị căn cứ Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Hoàng Thị L1 và ông Mai L2 chung sống với nhau năm 1973, đã đăng ký kết hôn ngày 24-11-2003 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2021/QĐST-DS ngày 10-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền tuyên bố ông L2 mất tích có hiệu lực đến nay ông L2 không trở về hoặc có tin tức xác thực. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử chấp nhận cho bà L1 được ly hôn; về con chung của bà L1, ông L2 đã thành niên, không có yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Mai L2 có nơi cư trú cuối cùng tại xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực nên việc vắng mặt thuộc trường hợp bất khả kháng. Căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L1 và ông Mai L2 chung sống với nhau từ năm 1973; đến năm 2003, cả hai đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24-11-2003. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L1 và ông L2 được công nhận kể từ thời điểm chung sống.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Bà Hoàng Thị L1 yêu cầu ly hôn với ông Mai L2 đã bị tuyên bố mất tích.

Theo quy định khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”*.

Xét thấy, từ khi Tòa án ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2021/QĐST-DS ngày 10-6-2021 tuyên bố ông L2 mất tích có hiệu lực đến nay vẫn không có tin tức xác thực của ông L2. Như vậy, yêu cầu ly hôn của bà L1 là có căn cứ, được chấp nhận. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con: Theo Giấy khai sinh thì bà L1 và ông L2 có bảy người con chung. Bà L1 không yêu cầu giải quyết nuôi con do các con đã thành niên, có sức khỏe và khả năng lao động là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng: Bà L1 không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà L1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp ông L2 trở về hoặc có tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết trong vụ việc khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị L1 có đơn đề nghị miễn án phí với lý do bà là người cao tuổi. Theo Căn cước công dân, bà L1 sinh năm 1954 nên đã 67 tuổi, thuộc trường hợp người cao tuổi quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009.

Do đó, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp tiền án phí cho bà L1; số tiền tạm ứng án phí đã nộp được hoàn trả lại.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Hoàng Thị L1 với ông Mai L2; quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về án phí sơ thẩm:** Chấp nhận miễn án phí cho bà Hoàng Thị L1; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0001096 ngày 13-7-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cho bà Hoàng Thị L1.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Trường**